

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Vương
2. Ông Lê Minh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 323/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2020/QĐXX-ST ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1995. Có mặt

Địa chỉ: Tổ 3, KP.3, TT.C, huyện C, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm: 1995. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 6, KP.3, TT.T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị Th và anh Bùi Văn H sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung với bố mẹ chồng ở tổ 6, KP.3, TT.T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Hai vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không chịu làm ăn, thường xuyên ăn chơi, nhậu nhẹt, cờ bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng kéo dài, nhiều lần được gia đình hai bên hòa giải nhưng anh H không khắc

phục, vợ chồng không hạnh phúc. Từ tháng 4/2020, chị Th đã về nhà bố mẹ ruột tại C để sinh sống, không còn chung sống với anh H từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Th yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Th và anh H có 01 người con tên Bùi Tuấn A, sinh năm 2016. Hiện nay cháu A đang sống cùng với chị Th. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Th khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Th khai hai vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Trong quá trình giải quyết, anh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không tiến hành thu thập được ý kiến của anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thừa hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th về việc ly hôn với anh Bùi Văn H, giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn H cư trú tại KP.3, TT.T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của chị Th tại bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ cũng như lời khai tại phiên tòa thấy rằng: chị Th và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện, tỉnh Bình Phước vào năm 2016. Quá trình chung sống, do anh H thường xuyên chơi bời, cờ bạc, không lo làm ăn khiến cho hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã diễn

ra một thời gian dài, hiện nay hai vợ chồng không còn chung sống với nhau, không quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, cho chị Th được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Th và anh H có 01 con chung là Bùi Tuấn A, sinh năm 2016. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, anh H không có mặt tại Tòa án để thể hiện nguyện vọng muốn nuôi con, hiện nay con chung đang sống với chị Th, chị Th có đủ điều kiện để chăm sóc cháu A. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao con chung cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

[2]. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 26/01/2016 của Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Bùi Tuấn A, sinh ngày 31/01/2016 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu nên không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002118 ngày 31/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã TT.C, huyện C;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải